

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG

✍ TS. NGUYỄN MINH TIẾN, ThS. NGUYỄN THỊ HUỆ¹

✍ ThS. TRẦN KIM HỒ²

Tóm tắt

Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN) ở Việt Nam có hiệu lực năm 2009 đã tạo khung pháp lý để thực hiện quản lý thu từ TNCN. Tuy nhiên, trên thực tế ở các địa phương công tác quản lý thu thuế TNCN đã tồn tại nhiều bất cập, trong đó có tỉnh Vĩnh Long. Để hoàn thiện công tác quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, bài nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp được thu thập tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long trong giai đoạn 2013 - 2016 và dữ liệu sơ cấp từ khảo sát 210 cá nhân làm việc tại các công ty và cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích nhân tố (EFA) và phân tích hồi quy. Kết quả phân tích định lượng cho thấy 03 yếu tố: *Cơ sở vật chất của ngành thuế; Ý thức chấp hành pháp luật thuế TNCN của người nộp thuế; Trình độ và phẩm chất đạo đức công chức ngành thuế* đều có ý nghĩa thống kê và ảnh hưởng đến công tác quản lý thu thuế TNCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Từ khóa: thuế thu nhập cá nhân, quản lý thuế.

1. Giới thiệu

Luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam được Quốc hội thông qua năm 2007 và có hiệu lực năm 2009 đã tạo ra khung pháp lý đảm bảo công bằng trong điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư, góp phần hạn chế khoảng cách về thu nhập trong xã hội và khuyến khích mọi cá nhân lao động, sản xuất kinh doanh, gia tăng thu nhập để làm giàu chính đáng. Trên thực tế, Luật thuế TNCN đã được triển khai thực hiện gần 10 năm qua với rất nhiều những quy định mới về đối tượng nộp thuế, hay thu nhập chịu thuế TNCN, được cụ thể hóa trong luật theo hướng hoàn thiện hơn, đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Ứng với những điểm mới của Luật thuế TNCN, cũng cần phải có những quy định mới trong việc quản lý thuế TNCN, sao cho việc quản lý đạt được hiệu quả tốt nhất, tránh tình trạng “thất thu thuế” đã và đang diễn ra trong thực tiễn.

Thực trạng công tác quản lý thu thuế TNCN hiện nay ở Việt Nam nói chung, ở Vĩnh Long nói riêng vẫn còn nhiều bất cập như tình trạng thất thu thuế do không quản lý được các khoản thu nhập của người nộp thuế, việc chiếm dụng tiền TNCN do kê khai, nộp thuế không kịp thời, phương pháp quản lý thuế còn lạc hậu so với các nước trong khu vực... Vấn đề đặt ra ở đây là việc cụ thể hóa công tác quản lý thu thuế TNCN như thế nào? Thực trạng của công tác quản lý thu thuế TNCN ra sao? Và đâu là giải pháp để khắc phục những thực trạng đó? Từ đó yêu cầu cần chuẩn hóa công tác quản lý thu thuế TNCN nhằm khắc phục những hạn chế, đồng thời để phù hợp với thông lệ quốc tế và khu vực. Đó là những câu hỏi sẽ được bài nghiên cứu giải quyết với không gian nghiên cứu tại tỉnh Vĩnh Long.

Để đạt mục tiêu đặt ra, bài nghiên cứu được cấu trúc ngoài *phần 1- Giới thiệu, phần 2- Cơ sở lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thu thuế TNCN, phần 3- Thực trạng công tác quản lý thu thuế TNCN tại tỉnh Vĩnh Long, phần 4- Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu định lượng, phần 5- Kết quả nghiên cứu và thảo luận và phần 6- Kết luận và khuyến nghị.*

¹ Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại

² Cục thuế tỉnh Vĩnh Long

2. Cơ sở lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thu thuế TNCN

Công tác quản lý thu thuế TNCN chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau, theo Vũ Duy Hào (2002), có 7 yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế TNCN: (1) Quan điểm của tầng lớp lãnh đạo nhà nước; (2) Cơ sở vật chất của ngành thuế; (3) Trình độ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ thuế; (4) Phương thức thanh toán chủ yếu trong dân cư; (5) Tính nghiêm minh của luật pháp; (6) Tình hình kinh tế và mức sống của người dân; (7) Ý thức chấp hành pháp luật thuế của đối tượng nộp thuế.

Nguyễn Hoàng (2013), đề cập đến sáu yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thu thuế TNCN: (1) Chính sách của Nhà nước và tính nghiêm minh của luật pháp; (2) Hiệu lực của bộ máy quản lý thuế; (3) Trình độ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ thuế; (4) Cơ sở vật chất của ngành thuế; (5) Tình hình kinh tế xã hội và phương thức thanh toán trong dân cư; (6) Tình trạng thu nhập, mức sống của người dân và trình độ dân trí. Huỳnh Văn Diện (2016), cho rằng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thu thuế TNCN gồm: ý thức chấp hành Luật thuế TNCN của người dân; Tổ chức bộ máy quản lý thuế và trình độ đội ngũ công chức thuế; cơ sở vật chất của ngành thuế.

Tuy mỗi tác giả tiếp cận ở những góc độ khác nhau, nhưng có thể rút ra được những điểm chung về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thu thuế TNCN như sau:

- Ý thức chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế

Ý thức chấp hành pháp luật nói chung và pháp luật thuế nói riêng tỉ lệ thuận với ý thức và trách nhiệm nộp thuế. Khi người dân có ý thức chấp hành Luật thuế tốt, họ sẽ tự giác trong kê khai, nộp thuế, hành vi trốn thuế sẽ ít xảy ra. Chính vì vậy, công tác quản lý thu thuế và thanh tra thuế sẽ gặp nhiều thuận lợi và đạt kết quả tốt hơn. Muốn vậy cần phải tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thuế TNCN để người nộp thuế nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế.

- Trình độ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ công chức thuế

Yếu tố giữ vai trò then chốt trong công tác quản lý thu thuế nói chung và thu thuế TNCN nói riêng là trình độ và phẩm chất đạo đức đội ngũ công chức thuế. Tất cả các nội dung, từ ban hành chính sách, tổ chức thực hiện, tổ chức bộ máy quản lý, thanh kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đều được thực hiện bởi đội ngũ này.

Để có thể tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành những chính sách thuế đúng đắn, đáp ứng được yêu cầu của những thay đổi kinh tế xã hội và đảm bảo được những mục tiêu của công tác quản lý thu thuế TNCN thì đội ngũ công chức thuế nói chung, đặc biệt là đội ngũ công chức lãnh đạo ở cấp cao, tầm hoạch định chính sách, cần phải có trình độ cao về kiến thức cơ bản và những kỹ năng thực tế liên quan đến hoạt động quản lý thu thuế.

- Cơ sở vật chất của ngành thuế

Đây là một nhân tố quan trọng tác động vào công tác quản lý thuế TNCN. Cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin của cơ quan thuế phải có khả năng đáp ứng được thì những quy định trong chính sách về phương thức kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế... mới có thể triển khai tốt công tác quản lý thuế. Để quản lý thu nhập của người nộp thuế, phương thức thanh toán qua ngân hàng đòi hỏi sự phát triển của hệ thống ngân hàng ở một mức độ nhất định, cùng với đó là một hệ thống thông tin tích hợp sẽ là một nhân tố đảm bảo cho cơ quan thuế trong việc quản lý thu thuế hiệu quả, chính xác, kịp thời và tiết kiệm chi phí. Nhân tố này có ảnh hưởng mạnh mẽ tới công tác quản lý thuế TNCN. Những quy định trong chính sách về diện thu thuế (rộng hay hẹp), phương thức kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế... phụ thuộc rất nhiều vào khả năng đáp ứng của ngành thuế. Khả năng này lại phụ thuộc rất lớn vào cơ sở vật chất của ngành thuế. Cũng như vậy, một hệ thống thu thuế được kết nối bằng mạng nội bộ sẽ là một nhân tố rất hữu ích cho cơ quan thuế trong việc quản lý thu thuế hiệu quả, chính xác, kịp thời và tiết kiệm chi phí. Việc xây dựng mạng thông tin nội bộ để quản lý cơ sở dữ liệu sẽ đòi hỏi những chi phí bước đầu tương đối lớn, nhưng xét về dài hạn thì điều này sẽ tiết kiệm chi phí hơn rất nhiều so với việc quản lý dữ liệu theo kiểu thủ công.

3. Thực trạng quản lý thu thuế TNCN tại Cục thuế Vĩnh Long

3.1. Đăng ký thuế và cấp mã số thuế

Việc cấp mã số thuế TNCN giữ một vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý thuế TNCN để triển khai Luật thuế TNCN. Mã số này sẽ gắn với mỗi cá nhân suốt đời và là cơ sở để quản lý đối tượng nộp thuế TNCN, yêu cầu đặt ra là phải cấp mã số thuế cá nhân cho mọi công dân. Việc người nộp thuế chưa có mã số thuế sẽ gây thiệt hại cho chính người nộp thuế vì phải nộp thuế TNCN với tỷ lệ trích cao hơn.

Bảng 1. Kết quả công tác cấp mã số thuế TNCN tại Vĩnh Long

Đơn vị tính: người

TT	Đơn vị	2013	2014	2015	2016
1	Cơ quan Cục Thuế	4.000	5.855	8.897	8.252
2	TP. Vĩnh Long	2.780	1.886	2.271	2.762
3	Huyện Long Hồ	2.804	2.126	1.633	2.445
4	Huyện Mang Thít	2.314	771	710	1.601
5	TX. Bình Minh	1.076	562	641	1.372
6	Huyện Bình Tân	4.006	1.078	769	1.033
7	Huyện Tam Bình	4.246	1.907	1.051	1.140
8	Huyện Trà Ôn	1.669	1.776	1.176	2.351
9	Chi cục Thuế huyện Vũng Liêm	2.040	1.986	1.974	2.442
	Tổng cộng	24.935	17.947	19.122	23.398

Nguồn: Phòng Kế khai - Kế toán thuế Cục thuế tỉnh Vĩnh Long

3.2. Quản lý kê khai, kế toán thuế TNCN

Kê khai thuế là khâu rất quan trọng trong quá trình quyết toán thuế TNCN, nhờ đó mà cơ quan quản lý thuế mới có thể thu thập được thông tin, kiểm soát thu nhập của các đối tượng nộp thuế theo những khoảng thời gian nhất định, có thể là một tháng, một quý, một năm. Tùy thuộc vào mỗi một đối tượng khác nhau, thì cũng có những yêu cầu kê khai thuế thu nhập khác nhau, tất cả nhằm thực hiện cho quá trình quản lý việc thu nộp thuế được dễ dàng hơn.

Bộ phận “một cửa” của Cục Thuế, Chi cục Thuế tiếp nhận hồ sơ khai thuế TNCN của người nộp thuế theo các hình thức: nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, nộp qua hệ thống bưu chính hoặc khai thuế điện tử, sau khi kiểm tra tính đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định của Luật Quản lý thuế, bộ phận “một cửa” chuyển cho bộ phận Kế khai - Kế toán thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ của ngày làm việc tiếp theo. Bộ phận Kế khai - Kế toán thuế tiếp nhận, kiểm tra và xử lý hồ sơ khai thuế theo quy định.

Bảng 2. Kết quả kê khai thuế TNCN năm 2013 - 2016 tại Vĩnh Long

Đơn vị tính: hồ sơ

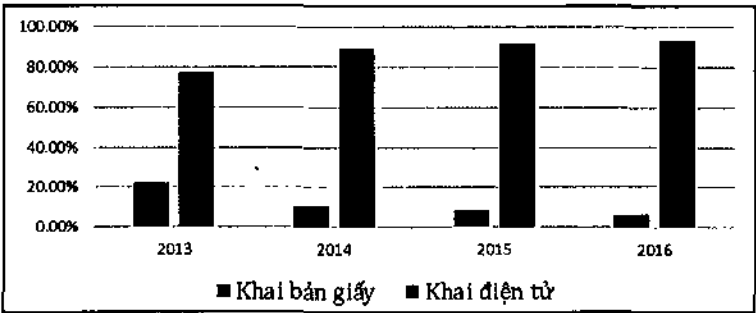
TT	Đơn vị	2013		2014		2015		2016	
		Khai bản giấy	Khai điện tử	Khai bản giấy	Khai điện tử	Khai bản giấy	Khai điện tử	Khai bản giấy	Khai điện tử
1	Cơ quan Cục Thuế	69	38	05	69	01	77	06	708
2	TP Vĩnh Long	350	623	213	746	141	822	103	816
3	Huyện Long Hồ	95	502	23	546	31	498	19	480
4	Huyện Mang Thít	138	78	12	260	46	301	53	253
5	TX Bình Minh	105	155		258	03	292	02	285
6	Huyện Bình Tân	08	132	01	181	01	223	06	232
7	Huyện Tam Bình	49	195	52	229	56	260	06	326
8	Huyện Trà Ôn	05	224	03	200	01	212	10	260
9	Huyện Vũng Liêm	68	247	61	271	16	351	43	292
	Tổng cộng	887	3.094	401	3.360	336	3.636	258	3.652

Nguồn: Phòng Kế khai - Kế toán Cục thuế tỉnh Vĩnh Long

Qua bảng 2 cho thấy, người nộp thuế TNCN có xu hướng giảm dần việc khai thuế bằng bản giấy nộp trực tiếp cho cơ quan thuế mà hướng đến việc khai thuế điện tử.

Hiện nay, về cơ sở vật chất tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long đã đáp ứng đầy đủ điều kiện để người nộp thuế khai thuế qua mạng, tạo thuận lợi và giảm đáng kể thời gian khai thuế cho người nộp thuế, vì vậy số người khai thuế điện tử đã tăng lên hơn 90%. (xem hình 1).

Hình 1. So sánh kết quả kê khai thuế điện tử và khai giấy năm 2013 - 2016



Nguồn: Phòng Kế khai - Kế toán thuế Cục thuế tỉnh Vĩnh Long

3.3. Quản lý khai quyết toán, hoàn thuế TNCN

Khai quyết toán thuế là việc xác định số thuế phải nộp của năm tính thuế hoặc thời gian từ đầu năm tính thuế đến khi chấm dứt hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế hoặc thời gian tính từ khi phát sinh đến khi chấm dứt hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Theo quy định của Luật thuế TNCN và Luật quản lý thuế, thì người nộp thuế thuộc diện phải quyết toán thuế TNCN có trách nhiệm khai quyết toán thuế TNCN trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

Hoàn thuế TNCN: Các trường hợp được hoàn thuế TNCN thường là trường hợp số tiền thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp hoặc cá nhân đã nộp thuế nhưng có thu nhập tính thuế chưa đến mức phải nộp.

Bảng 3. Kết quả hoàn thuế TNCN giai đoạn 2013 - 2016 tại Vĩnh Long

Đơn vị tính: hồ sơ

TT	Đơn vị	2013		2014		2015		2016	
		Hồ sơ hoàn thuế	Số tiền hoàn (Tr.đ)	Hồ sơ hoàn thuế	Số tiền hoàn (Tr.đ)	Hồ sơ hoàn thuế	Số tiền hoàn (Tr.đ)	Hồ sơ hoàn thuế	Số tiền hoàn (Tr.đ)
1	Cơ quan Cục Thuế	394	3.121	602	7.972	282	4.593	334	6.574
2	TP Vĩnh Long	75	207	100	234	122	834	152	1.048
3	Huyện Long Hồ	0	000	61	153	103	519	104	595
4	Huyện Mang Thít	21	052	46	408	54	332	54	358
5	TX Bình Minh	19	058	29	094	29	131	41	219
6	Huyện Bình Tân	19	066	19	096	31	126	52	304
7	Huyện Tam Bình	28	115	33	138	50	268	70	421
8	Huyện Trà Ôn	31	038	35	064	33	201	54	368
9	Huyện Vũng Liêm	36	093	55	116	49	238	81	431
	Tổng cộng	623	3.750	980	9.276	753	7.241	942	10.316

Nguồn: Phòng Kế khai - Kế toán thuế Cục thuế tỉnh Vĩnh Long.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu định lượng

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Bài nghiên cứu sử dụng dữ liệu sơ cấp thông qua thu thập 210 mẫu khảo sát từ cá nhân làm việc trong các Công ty và cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Thời gian thu thập năm 2017. Phương pháp thu thập kết hợp chọn mẫu thuận tiện và chọn mẫu ngẫu nhiên.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

- Kiểm định thang đo

Kiểm định độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha). Thang đo và các biến quan sát được chọn khi thang đo có Cronbach's Alpha > 0,6; Các biến quan sát có hệ số tương quan biến - tổng > 0,3; và hệ số Cronbach's Alpha không lớn hơn Cronbach's Alpha của thang đo. Các biến quan sát không thỏa mãn điều kiện trên sẽ bị loại.

- Phân tích nhân tố

Trong nghiên cứu, chúng ta có thể thu thập được một số lượng biến khá lớn, hầu hết các biến này có liên hệ với nhau và số lượng của chúng phải được giảm bớt xuống đến một số lượng mà chúng ta có thể sử dụng được.

- Mô hình nhân tố:

Mỗi biến trong phân tích nhân tố được biểu diễn như là một kết hợp tuyến tính của các nhân tố cơ bản. Lượng biến thiên của một biến được giải thích bởi những nhân tố chung trong phân tích được gọi là communality. Biến thiên chung của các biến được mô tả bằng một số ít các nhân tố chung cộng với một nhân tố đặc trưng cho mỗi biến. Những nhân tố này không bộc lộ rõ ràng.

Nếu các biến được chuẩn hóa thì mô hình nhân tố thể hiện bằng phương trình:

$$X_i = A_{i1}F_1 + A_{i2}F_2 + A_{i3}F_3 + \dots + A_{in}F_n + V_iU_i$$

Trong đó:

X_i : Biến thứ i chuẩn hóa.

A_{ij} : Hệ số hồi quy bội chuẩn hóa của nhân tố j đối với biến i .

F : Các nhân tố chung.

V_i : Hệ số hồi quy chuẩn hóa của nhân tố đặc trưng i đối với biến i

U_i : Nhân tố đặc trưng của biến i .

n : Số nhân tố chung.

Các nhân tố đặc trưng có tương quan với nhau và với các nhân tố chung. Bản thân các nhân tố chung cũng có thể được diễn tả như những kết hợp tuyến tính của các biến quan sát:

$$F_i = W_{i1}X_1 + W_{i2}X_2 + W_{i3}X_3 + \dots + W_{ik}X_k$$

Trong đó:

F_i : Ước lượng trị số của nhân tố thứ i .

W_i : Quyền số hay trọng số nhân tố.

k : Số biến.

- Điều kiện thỏa mãn yêu cầu trong phân tích nhân tố:

Thứ nhất: Hệ số KMO phải có giá trị lớn (giữa 0.5 và 1) và mức ý nghĩa của kiểm định Bartlett ≤ 0.05 .

Thứ hai: Hệ số tải nhân tố (Factor Loading) > 0.5.

Thứ ba: Thang đo được chấp nhận khi tổng phương sai trích $\geq 50\%$ và Eigenvalues có giá trị lớn hơn 1.

- Phân tích hồi quy và kiểm định mô hình

Mô hình hồi quy có dạng như sau:

$$Y_i = b_0 + b_1X_{1i} + b_2X_{2i} + \dots + b_pX_{pi} + e_i$$

Trong đó:

Y_i : Biến phụ thuộc

b_0 : Hệ số chặn

b_i : Hệ số hồi quy thứ i ($i = \overline{1, n}$)

X_i : Sai số biến độc lập thứ i

e_i : Biến độc lập ngẫu nhiên

NGHIÊN CỨU KH&CN

Kiểm định mô hình

- Kiểm định độ phù hợp của mô hình

Kiểm định F trong bảng phân tích phương sai là phép kiểm định về độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính tổng thể, xem xét biến phụ thuộc có liên hệ tuyến tính với toàn bộ tập hợp các biến độc lập hay không.

- Cặp giả thiết nghiên cứu:

H_0 : Không có mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc.

H_1 : Tồn tại mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc.

- Nguyên tắc chấp nhận giả thiết:

Nếu $Sig \leq 0,05$: Bỏ giả thiết H_0 .

Nếu $Sig > 0,05$: Chưa có cơ sở bỏ giả thiết H_0 .

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

Bảng 4. Kết quả ma trận xoay nhân tố

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.853
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1330.383
	df	105
	Sig.	.000

Nguồn: Kết quả phân tích từ SPSS.

Kết quả EFA cho thấy, các biến quan sát độc lập có hệ số KMO = 0.853 nằm trong khoảng [0,5;1]: phân tích nhân tố thích hợp với dữ liệu nghiên cứu và giá trị kiểm định Bartlet (Barlet's test) có $Sig. = 0,000 < 0,05$ chứng tỏ dữ liệu dùng để phân tích hoàn toàn thích hợp. Mặt khác các hệ số tải nhân tố (Factor Loading) đều lớn hơn 0,5 nên phân tích nhân tố khám phá rất thích hợp.

Bảng 5. Kết quả ma trận tương quan

Correlations					
		HOÀN THIỆN	Ý THỨC	TRÌNH ĐỘ	CƠ SỞ VẬT CHẤT
HOÀN THIỆN	Hệ số tương quan	1	0.421***	0.403***	0.467***
	Hệ số Sig. (2-chiều)		0.000	0.000	0.000
Ý THỨC (YT)	Hệ số tương quan	0.421***	1	0.000	0.000
	Hệ số Sig. (2-chiều)	0.000		1.000	1.000
TRÌNH ĐỘ (TD)	Hệ số tương quan	0.403***	0.000	1	0.000
	Hệ số Sig. (2-chiều)	0.000	1.000		1.000
CƠ SỞ VẬT CHẤT (VC)	Hệ số tương quan	0.467***	0.000	0.000	1
	Hệ số Sig. (2-chiều)	0.000	1.000	1.000	

(***) có ý nghĩa ở mức 1%.

Nguồn: Kết quả phân tích từ SPSS.

Kết quả ma trận tương quan giữa các biến cho thấy:

- Tương quan giữa biến phụ thuộc về công tác quản lý thu thuế TNCN với các biến nhân tố:

Nhìn chung, hệ số tương quan giữa biến phụ thuộc và biến độc lập có mối tương quan với nhau. Trong đó nhân tố cơ sở vật chất của ngành thuế có hệ số tương quan cao nhất là 46,7% và thấp nhất là hệ số tương quan của nhân tố trình độ và phẩm chất đạo đức công chức thuế là 40,3%.

Qua đó ta thấy, cả 3 biến có hệ số tương quan tương đối thấp, toàn bộ 3 hệ số đều có ý nghĩa thống kê ($Sig < 0.05$), tiếp tục chạy mô hình hồi quy để nghiên cứu cụ thể hơn các mối tương quan này.

■ *Tương quan giữa các biến độc lập:*

Dựa trên bảng ma trận hệ số tương quan giữa các biến độc lập cho thấy không có dấu hiệu tự tương quan giữa các biến độc lập (ý nghĩa 1%).

Bảng 6. Kết quả tổng hợp phân tích hồi quy

Mô hình B	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa	t	Mức ý nghĩa Sig	Thống kê đa cộng tuyến	
	Sai số chuẩn	Beta				Độ chấp nhận	Hệ số VIP
1 Hằng số	-5.836E-17	0,046		0,000	1,000		
YT	0.421	0,046	0.421	9.078	0,000	1,000	1,000
TD	0.403	0,046	0.403	8.688	0,000	1,000	1,000
VC	0.467	0,046	0.467	10.067	0,000	1,000	1,000

Nguồn: Kết quả phân tích từ SPSS.

Mô hình hồi qui các yếu tố tác động đến quản lý thu thuế TNCN:

$$Y = 0,467VC + 0,421YT + 0,403TD$$

R^2 hiệu chỉnh = 55,1%

4.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Hệ số xác định hiệu chỉnh là 55,1%: phản ánh các mức độ phù hợp của mô hình là 55,1% hay nói cách khác 55,1% sự thay đổi của các yếu tố ảnh hưởng đến thu thuế TNCN là do Ý thức chấp hành pháp luật thuế TNCN, Trình độ và phẩm chất đạo đức công chức thuế và Cơ sở vật chất của ngành thuế thay đổi. Như vậy, gần 45% còn lại là do ảnh hưởng của các nhân tố khác.

Các hệ số Beta chuẩn hóa: có mức ý nghĩa rất nhỏ, < 0,05: có ý nghĩa thống kê.

Hệ số tác động của các biến giải thích đến công tác quản lý thu thuế TNCN tỉnh Vĩnh Long với mức độ đáng kể. Cụ thể:

- Tác động mạnh nhất là nhân tố Cơ sở vật chất của ngành thuế ($\beta_1=0.467$).
- Tác động mạnh thứ hai là nhân tố Ý thức chấp hành pháp luật thuế TNCN của người nộp thuế ($\beta_2=0.421$).
- Tác động mạnh thứ ba là nhân tố Trình độ và phẩm chất đạo đức công chức thuế ($\beta_3=0.403$).

5. Khuyến nghị và kết luận

5.1. Khuyến nghị để hoàn thiện công tác quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(i) Tăng cường giáo dục ý thức chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế

Khi thực hiện cơ chế tự khai, tự nộp thì công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế là một trong những biện pháp, công cụ quan trọng để đạt tới mục đích là sự tuân thủ tự nguyện pháp luật thuế một cách cao nhất của người nộp thuế. Khi người nộp thuế tự nguyện thì công tác quản lý thu thuế sẽ dễ dàng hơn, hạn chế tình trạng thất thu ngân sách. Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ nhằm đạt kết quả tốt hơn cần phải có giải pháp tích cực sau:

- Tăng cường dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế để giải đáp những thắc mắc, yêu cầu của người nộp thuế, đặc biệt là giáo dục thái độ phục vụ của công chức thuế, cần phải xem đối tượng nộp thuế là khách hàng được phục vụ.

- Đào tạo đội ngũ công chức thuế làm công tác tuyên truyền hỗ trợ để có những kỹ năng, kiến thức cần thiết. Công chức tuyên truyền, hướng dẫn về thuế cần nâng cao kỹ năng thuyết trình, diễn đạt tốt trước công chúng để thu hút được sự quan tâm của người nộp thuế, giúp buổi tập huấn, đối thoại cơ quan thuế đạt hiệu quả, bên cạnh đó, cần tăng cường thêm lực lượng làm công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế.

- Tiến hành điều tra thống kê trên địa bàn để xác định nhu cầu của đối tượng nộp thuế về tuyên truyền hỗ trợ để từ đó có thể đưa ra những hình thức tuyên truyền thích hợp.

- Đưa nội dung tuyên truyền về thuế vào nội dung giáo dục tại các cấp phổ thông trung học, cao đẳng, đại học và tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về thuế để giáo dục ý thức nộp thuế cho các sinh viên, học sinh.

(ii) Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ công chức thuế

- Để quản lý thu thuế TNCN theo phương pháp hiện đại và có hiệu quả, phải xây dựng được đội ngũ công chức thuế có trình độ chuyên sâu, chuyên nghiệp, có đạo đức, phẩm chất tốt, có kỷ luật và trách nhiệm pháp luật, có tinh thần và thái độ phục vụ tận tụy, văn minh, lịch sự.

- Công chức thuế phải có năng lực chuyên môn nhất định, đáp ứng tiêu chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp theo hướng vừa chuyên nghiệp, vừa chuyên môn hóa sâu theo từng chức năng công việc, phù hợp với mô hình quản lý thuế theo phương pháp tự tính, tự khai, tự nộp thuế, được đào tạo theo các nội dung đã được qui chuẩn hóa, được trang bị kiến thức đầy đủ về lý luận và thực tiễn, có khả năng tốt trong việc phân tích, đánh giá khả năng thực thi của chính sách thuế làm cơ sở cho hoạch định chính sách thuế cũng như đề xuất các biện pháp quản lý thu.

- Công chức ngành thuế phải được đào tạo giỏi về chuyên môn nghiệp vụ thuế, giỏi về kế toán, thành thạo kỹ năng làm việc, kỹ năng quản lý, có trình độ tin học và ngoại ngữ. Công chức thuế còn phải có phẩm chất đạo đức tốt, liêm chính và có tinh thần phục vụ nhân dân, đất nước.

- Để đáp ứng mục tiêu đào tạo này, ngành thuế cần xây dựng chương trình và giáo trình đào tạo chuyên ngành cho từng ngạch công chức, từng loại công chức thống nhất trong cả nước. Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho công chức trong ngành nhằm nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ công chức thuế, dành nguồn kinh phí thích đáng cho công tác đào tạo theo hướng chuyên sâu, bao gồm cả đào tạo trong nước và nước ngoài.

(iii) Tăng cường trang bị cơ sở vật chất, nâng cấp hệ thống mạng phục vụ công tác quản lý thuế

- Kinh tế trong những năm gần đây đã phát triển với tốc độ cao theo xu hướng hội nhập, toàn cầu hóa, theo đó phát sinh những hình thức kinh doanh mới như thương mại điện tử, bán hàng, thanh toán qua mạng, quản trị kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng tin học hóa. Với sự phát triển này đã và sẽ tiếp tục tạo áp lực lớn đối với hệ thống quản lý thu thuế, để đáp ứng được nhiệm vụ quản lý thuế trong thời kỳ mới, ngành thuế buộc phải đẩy mạnh tiến độ hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ tin học để tạo khả năng thích ứng cao và khả năng xử lý, phân tích được khối lượng thông tin khổng lồ, kết nối thông tin trong nội bộ ngành thuế, với các ngành để quản lý được đối tượng nộp thuế. Bên cạnh đó, ngành thuế cũng phải ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin pháp luật thuế cho đối tượng nộp thuế một cách nhanh chóng, thuận lợi để người nộp thuế tự giác chấp hành nghĩa vụ thuế.

- Cần lựa chọn lĩnh vực ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin để đầu tư tránh lãng phí, nên ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực thuế điện tử vì khi thương mại hóa quốc tế thì các hình thức kinh doanh mua bán, thanh toán qua mạng sẽ phát triển rất nhanh, nếu ngành thuế không nắm bắt kịp thời tình hình để quản lý hữu hiệu sẽ rất yếu dẫn đến thất thu ngân sách.

- Xây dựng ngân hàng dữ liệu về lĩnh vực hoạt động, tình trạng kê khai, nộp thuế và tình hình tài chính của từng đối tượng nộp thuế để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế, quản lý việc cưỡng chế thuế.

- Trang bị tài sản, thiết bị cho hiện đại, đồng bộ cho hệ thống công sở trong ngành đảm bảo điều kiện thuận lợi cho công chức thuế trong thực thi công vụ. Xây dựng trung tâm bồi dưỡng cho công chức ngành Thuế tại TP Hồ Chí Minh để đảm bảo điều kiện vật chất đào tạo, bồi dưỡng công chức thuế các tỉnh phía Nam nhằm giảm chi phí và thời gian đào tạo.

5.2. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã góp phần khẳng định về mức độ tác động của nhân tố cơ sở vật chất của ngành thuế đến công tác quản lý thu thuế TNCN ở tỉnh Vĩnh Long. Thực tế cơ sở vật chất của ngành thuế càng tốt như nơi làm việc thuận tiện, thoáng mát, việc tra cứu thông tin về chính sách thuế, thủ tục hành chính thuế được dễ dàng, hệ thống mạng thông suốt đảm bảo cho người nộp thuế thực hiện việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế qua mạng được dễ dàng... sẽ góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý thu thuế TNCN. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy nhân tố ý thức chấp hành pháp luật thuế TNCN của người nộp thuế càng tốt thì công tác quản lý thu thuế TNCN sẽ ngày càng được hoàn thiện. Ngoài ra nhân tố trình độ và phẩm chất đạo đức của công chức thuế cũng có tác động nhất định đến việc hoàn thiện công tác quản lý thu thuế TNCN. Đây cũng chính là những căn cứ để xây dựng một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu thuế TNCN trong thời gian tới.

(Xem tiếp trang 42)

- Thứ năm, về tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật chuyển đến người dân, cần có sự quan tâm, cần có cách thức làm khác, bổ sung thêm vào cách làm hiện tại. Các tài liệu được phát đến người dân là các tài liệu được in ấn bằng tiếng Việt, nhiều đồng bào Khmer không được đọc hoặc đọc nhưng không hiểu hoàn toàn nội dung. Một số ít tài liệu được dịch sang tiếng Khmer Paly, đây là ngôn ngữ Khmer được dạy và học trong các trường. Thế nhưng bất cập là nhiều người dân lại không hiểu về chữ Khmer Paly, họ đã quen với các từ ngữ nói thông dụng, gần gũi với đời sống hằng ngày. Kết quả là các tài liệu được dịch ra không mang lại hiệu quả. Vì thế, người được phân công dịch các tài liệu sang tiếng Khmer cho đồng bào phải thông thạo cả ngôn ngữ Khmer viết (Khmer Paly) và cả ngôn ngữ Khmer nói hằng ngày để có thể có cách dịch dễ hiểu, đồng bào dễ tiếp cận hơn. Đồng thời, đơn vị kiểm duyệt nội dung được phiên dịch cũng nên lưu tâm đến vấn đề này. Đây là vấn đề khó khăn, cần sự quan tâm đầu tư lâu dài; tuy nhiên, không thể vì khó khăn mà bỏ qua hoặc không quan tâm nội dung này.

- Thứ sáu, phát huy mạnh hơn vai trò của Hội đồng phối hợp phổ biến pháp luật tại địa phương.

Với vai trò là đơn vị thường trực của Hội đồng tại huyện, Phòng Tư pháp huyện Trà Cú đã thực hiện tốt vai trò tham mưu, chỉ đạo, phối hợp trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. Trong thời gian tới, để hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật phát huy cần có sự tham gia tích cực hơn nữa của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Đây là các đơn vị có vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị, đặc biệt trong hoạt động phổ biến pháp luật thì vai trò của các cơ quan này còn quan trọng hơn rất nhiều. Nhiều chủ trương, chính sách khi được thông qua Mặt trận và các đoàn thể đã đến được nhiều hơn, sâu hơn với đồng bào. Đặc biệt trong các ngôi chùa Khmer, việc tiếp cận và phổ biến pháp luật của Mặt trận và đoàn thể trở nên dễ dàng hơn so với các cơ quan khác. Nên chăng việc đề xuất Ủy ban Mặt trận Tổ quốc của huyện giữ vai trò đồng thường trực trong Hội đồng phối hợp giáo dục pháp luật tại địa phương ở những nơi đặc thù như huyện Trà Cú hoặc khu vực có đông đồng bào dân tộc.

Như vậy, phổ biến và giáo dục pháp luật là một trong những hoạt động, cơ sở quan trọng để ổn định tình hình xã hội tại địa phương. Điều đó càng có ý nghĩa với đồng bào dân tộc Khmer xung quanh các điểm chùa trên địa bàn huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Trong thời gian tới, hoạt động này cần tiếp tục nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo; sự quyết tâm, quyết liệt của đội ngũ cán bộ, công chức để các chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước có thể đến gần với đồng bào hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 1, tr 438.
- (2) Nghị quyết số 25/NQ-TW ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IX.
- (3) Chỉ thị 08-CT/TU ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Tỉnh ủy Trà Vinh về Tăng cường phối hợp, nâng cao hiệu quả hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, ý thức tự giác chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN... (Tiếp theo trang 35)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thị Bạch Vân (2014). *Xoay quanh vấn đề người nộp thuế và tuân thủ thuế*. Tạp chí Phát triển và Hội nhập số 16 (26).
2. Nguyễn Hải Ninh (2011). *Những yếu tố ảnh hưởng đến việc kiểm soát thu nhập của người nộp thuế trong quá trình thực hiện pháp luật thuế TNCN ở Việt Nam*. Tạp chí Luật học số 7.
3. Nguyễn Thành Phúc (2013). *Quản lý thuế TNCN từ tiền lương, tiền công*. Tạp chí Tài chính (36), (224) kỳ 2 tháng 9, tr.12.
4. Phạm Tiến Hưng (2012). *Nghiên cứu về Luật Quản lý thuế: kết quả và những vấn đề sửa đổi, bổ sung*. Tạp chí Tài chính số 9/2012.
5. Sử Đình Thành và cộng sự (2015). *Cải cách thuế Việt Nam theo cam kết hội nhập quốc tế đến năm 2020*. Tạp chí Phát triển Kinh tế 26 (3).
6. Trần Quốc Hoàn (2016). *Bàn về định hướng cải cách mức thuế TNCN ở Việt Nam*. Tạp chí Tài chính kỳ 2/2016.
7. Vũ Thị Bích Huỳnh (2016). *Chống thất thu thuế TNCN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản*. Tạp chí Tài chính kỳ 1/2016.